



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 11 (từ 11/03/19 – 15/03/19)



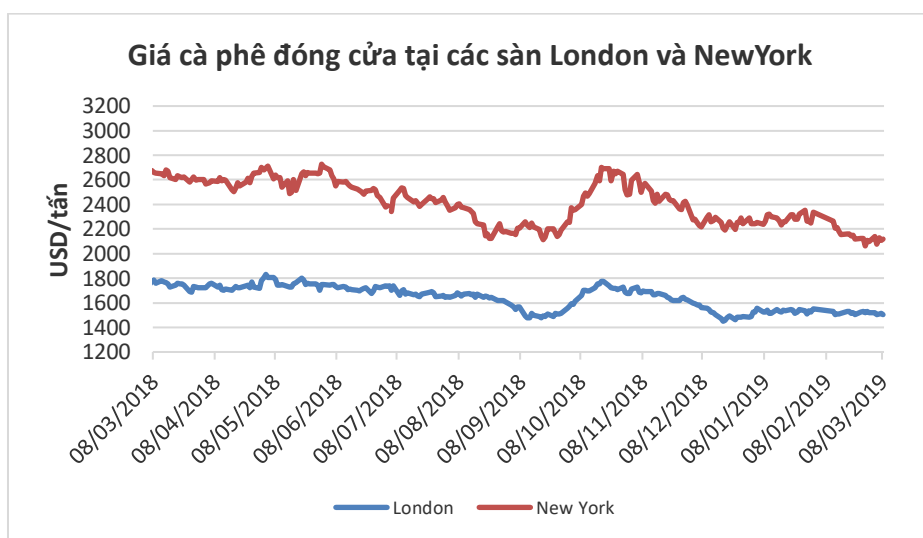
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tuần này tăng nhẹ so với tuần trước hiện đang ở mức 1.518,2 USD/tấn.

Giá cà phê Arabica tuần này tăng 1,5% lên mức 2.142,9 USD/tấn.

Brazil đã có tháng thứ năm xuất khẩu cà phê tăng liên tiếp.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này 1.518,2 USD/tấn, tăng nhẹ 0,5% so với tuần trước và thấp hơn 13,7% so với cùng kỳ năm 2018. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.532 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.490USD/tấn. [1]

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần này đạt 2.142,9 USD/tấn. tăng 1,5% so với mức giá tuần trước và thấp hơn 19,1% so với cùng thời điểm năm 2018. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.160,5 USD/tấn. giá thấp nhất



trong tuần đạt 2.16,4USD/tấn. [1]

Giá cà phê tuần qua có biến động tích cực trên cả hai sàn khi đồng Real Brazil phục hồi, xuống còn 3,814 Real/USD. Mặc dù các nhà xuất khẩu tại Brazil vẫn tiếp tục gia tăng lượng hàng xuống cảng để chuyển đến các nước tiêu thụ song nhu cầu sử dụng cà phê arabica ngày một tăng giúp hỗ trợ giá cà phê trong thời gian vừa qua.

Brazil đã có tháng thứ năm xuất khẩu cà phê tăng liên tiếp. Theo dữ liệu công bố của Ban Thư ký Ngoại thương (Secex) thuộc Bộ Kinh tế Brazil, xuất khẩu cà phê trong tháng 2/2019 đạt 3,11 triệu bao, tăng tới 36,9% so với mức 2,27 triệu bao của cùng kỳ năm trước. Giá trị kim ngạch xuất khẩu trong tháng 2 đã tăng 13% lên mức 408,7 triệu USD tăng mạnh so với 361,8 triệu USD của tháng 2/2018.

Khối lượng cà phê xuất khẩu của Brazil trong tháng 2 đã tăng 2,6% so với chỉ 3,031 triệu bao xuất khẩu trong tháng Giêng. Giá trị kim ngạch xuất khẩu trong tháng cũng tăng 0,20% so với doanh thu 407,9 triệu USD của tháng trước. Trong 2 tháng đầu năm 2019, Brazil đã xuất khẩu tổng cộng 6,139 triệu bao, tăng 25,6% so với cùng kỳ năm 2018 chỉ đạt tổng cộng 4,890 triệu bao. Giá trị kim ngạch xuất khẩu trong kỳ tăng 4,75%, từ 779,6 triệu USD lên 816,6 triệu USD.

Theo quan sát, Brazil đã bán hơn 60% vụ mùa kỷ lục năm ngoái với sản lượng hơn 60 triệu bao và sắp bước vào vụ thu hoạch mới năm nay với sản lượng thấp hơn, khoảng 54 triệu bao. Mối quan tâm lớn của thị trường cà phê thế giới vào lúc này là áp lực của USD mạnh gây bất lợi cho giá cả hàng hóa nói chung và đồng real vẫn chưa thật sự ổn định dù tân tổng thống Brazil đang tiến hành cải cách toàn diện nền kinh tế đất nước.



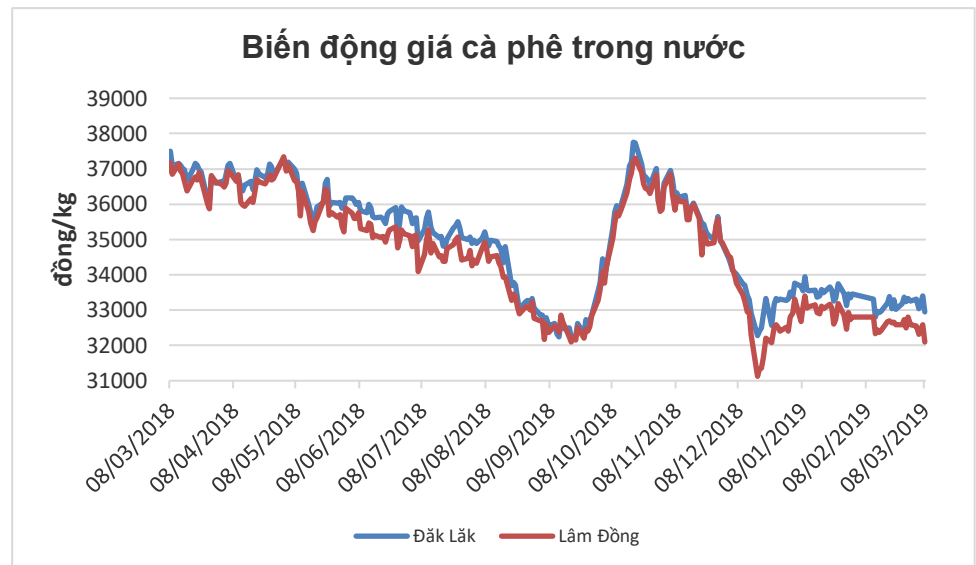
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên biến động tăng nhẹ trong tuần qua.

Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) giảm nhẹ 0.2% so với tuần trước xuống còn 1.436 USD/tấn.

Xuất khẩu cà phê tháng 2/2019 của Việt Nam giảm mạnh so với các tháng trước.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước tuần này biến động tăng nhẹ so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 33.225 đồng/kg, tăng 40 đồng so với mức giá tuần trước và thấp hơn 10.3% so với cùng kỳ năm 2018. Tại Lâm Đồng, giá cà phê tăng 200 đồng so với tuần trước, ở mức 32.600 đồng/kg và thấp hơn 11,3% so với cùng kỳ năm ngoái. [5]

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này giảm nhẹ 0,2% so với tuần trước xuống còn 1.436 USD/tấn và vẫn thấp hơn 14% so với cùng kỳ năm 2018. [5]

Giá cà phê trong nước tuần qua biến động tăng nhẹ cùng xu hướng trên giá tham chiếu trên hai sàn quốc tế tại London và New York. Tuy nhiên do lượng đặt hàng giao dịch xuất khẩu còn thấp, hoạt động thương mại trầm lắng khiến giá xuất khẩu bình quân giảm nhẹ trong tuần.

Theo dữ liệu báo cáo sơ bộ của Tổng cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu cà phê tháng 2/2019 đạt 115.112 tấn (tương đương 1.918.533 bao, bao 60kg), với giá trị kim ngạch 199,52 triệu USD, giảm 37,33% về lượng và giảm 38,47% về giá trị kim ngạch so với tháng trước, các mức giảm rất mạnh.



Lũy kế 2 tháng đầu năm 2019, Việt Nam đã xuất khẩu cà phê đạt tổng cộng 317 nghìn tấn (tương đương 5,29 triệu bao), với giá trị kim ngạch 551,76 triệu USD, giảm 10,11% về lượng và giảm 19,31% về giá trị kim ngạch so với 2 tháng đầu năm 2018.

Tính chung 5 tháng đầu niên vụ cà phê hiện tại 2018/19 (từ tháng 10/2018 đến tháng 2/2019), Việt Nam đã xuất khẩu cà phê đạt tổng cộng 736.6 nghìn tấn (tương đương 12,3 triệu bao), tăng 5,12% so với cùng kỳ của niên vụ cà phê trước 2017/2018.

Xuất khẩu cà phê tháng 2/2019 của Việt Nam giảm mạnh có nguyên nhân là do trong tháng này có kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán năm Kỷ Hợi khá dài và tháng 2 lại là tháng có ít ngày.

Thời gian qua, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đã và đang chịu tác động trực tiếp từ thị trường cà phê thế giới. Dự báo, trong 6 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ tiếp tục gặp khó khăn. Nguyên nhân do giá cà phê toàn cầu ở mức thấp và lượng cà phê xuất khẩu có khả năng thấp hơn cùng kỳ năm 2018 do sản lượng giảm. Về cơ bản, bức tranh của thị trường cà phê thế giới có thể sẽ khá ảm đạm trong nửa đầu năm, tuy nhiên, nửa cuối năm sẽ khởi sắc.

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://www.vneconomy.vn>
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>
- [9]. Vietnambiz.vn



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	33.567	33.533	33.367	33.333	32.733	33
Ea H'leo (xô vối)	33.467	33.500	33.433	33.400	32.900	60
Krông Năng (xô vối)	33.267	33.267	33.233	33.067	32.633	27
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	33.900	33.800	33.700	33.600	33.000	-13
Ea H'leo (xô vối)	33.700	33.700	33.700	33.600	33.200	40
Krông Năng (xô vối)	33.500	33.500	33.500	33.300	32.800	60
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	32.867	32.867	32.767	32.733	32.167	13
Di Linh (xô vối)	32.500	32.700	32.700	32.500	32.000	100
Lâm Hà (xô vối)	32.600	32.900	32.800	32.700	32.300	500
Đà Lạt (xô chè)	40.000	39.000	38.000	39.000	39.000	-1000
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	33.367	33.367	33.267	33.233	32.700	53
Di Linh (xô vối)	33.000	33.200	33.200	33.000	32.500	100
Lâm Hà (xô vối)	32.800	33.200	33.100	33.067	32.600	413
Đà Lạt (xô chè)	41.000	40.000	39.000	40.000	40.000	-1000
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	33.200	33.300	33.150	33.100	32.950	170
Đắk R'lấp (xô vối)	33.283	33.283	33.167	33.083	32.600	127
Đắk Song (xô vối)						140



	33.350	33.350	33.300	33.150	32.650	
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	33.500	33.600	33.450	33.400	33.250	170
Đắk R'lấp (xô vối)	33.583	33.583	33.467	33.367	32.900	123
Đắk Song (xô vối)	33.650	33.650	33.550	33.450	32.950	130
Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	33.267	33.267	33.200	33.100	32.433	-13
Plei ku (xô vối)	33.300	33.300	33.233	33.100	32.867	67
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	33.800	33.800	33.700	33.600	32.933	-7
Pleiku (xô vối)	33.833	33.833	33.700	33.600	33.033	13
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	33.400	33.400	33.400	33.200	32.700	80
Đắk Hà (xô vối)	33.350	33.350	33.350	33.150	32.650	-10
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	33.500	33.600	33.500	33.300	32.800	60
Đắk Hà (xô vối)	33.500	33.600	33.500	33.300	32.800	50

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn